TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-01-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Kim Yến

Ông Vũ Trung Kiên

- T ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là T ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình,Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên .

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 737/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hoài T, sinh năm 1976; cư trú tại: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Võ Quang M, sinh năm 1969; cư trú tại: Đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thị Hoài T trình bày: Bà và ông Võ Quang M kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115 do Uỷ ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/12/1997. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về mọi mặt, không hòa hợp trong cách sống, trong suy nghĩ dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Mỗi khi tranh cãi, ông M có những lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà và đuổi bà ra khỏi nhà. Sự việc tiếp diễn nhiều lần khiến bà rơi vào trạng thái căng thẳng, áp lực lớn về tinh thần. Bà cảm thấy không được tin tưởng, tôn trọng, cuộc sống chung không có sự quan tâm, chia sẻ. Bà xác định tình cảm đối với ông M không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Tường V, sinh ngày 04/5/1999 và Võ Quang V1, sinh ngày 20/11/2005. Ly hôn, bà đề nghị giao con chung là trẻ Võ Quang V1, sinh ngày 20/11/2005 cho ông Võ Quang M trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận với nhau. Riêng con chung Võ Tường V, sinh ngày 04/5/1999 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Võ Quang M trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về quá trình kết hôn. Theo ông, giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, ông cũng có lúc nóng giận thiếu kiềm chế nên có những lời lẽ và hành động khiến bà T cảm thấy bị xúc phạm, tổn thương dẫn đến việc nộp đơn ly hôn. Tuy nhiên, ông rất quan tâm, lo lắng cho gia đình và còn tình cảm đối với bà T nên không muốn ly hôn. Ông muốn bà T cho ông cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Tường V, sinh ngày 04/5/1999 và Võ Quang V1, sinh ngày 20/11/2005. Nếu ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung là trẻ Võ Quang V1, sinh ngày 20/11/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận với nhau. Riêng con chung Võ Tường V, sinh ngày 04/5/1999 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, xét thấy mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin ly hôn đối với bị đơn, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đăng ký thường trú tại quận Tân Bình, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 115 do Ủy ban nhân dân Phường 11, quận Tân Bình cấp ngày 16/12/1997 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1997. Trong suốt quá trình chung sống, giữa hai bên thường xuyên phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp trong cách sống, trong suy nghĩ dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Bị đơn là người thô lỗ, cộc cằn, có hành vi đánh đập, xúc phạm làm ảnh hưởng nghiêm trọng sức khỏe và tinh thần của nguyên đơn, khiến nguyên đơn rơi vào trạng thái căng thẳng, mệt mỏi. Giữa hai bên không còn tin tưởng, tôn trọng nhau, cuộc sống chung không có sự quan tâm, chia sẻ. Cả hai mặc dù sống chung nhà nhưng đã ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, mạnh ai nấy sống. Bị đơn trình bày hai vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, trong cuộc sống có những lúc cãi vã nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Bị đơn thừa nhận có những lúc nóng nảy, thiếu kiềm chế nên có đánh đập, xúc phạm nguyên đơn, bị đơn muốn nguyên đơn cho bị đơn cơ hội đề hàn gắn tình cảm để cùng nhau lo cho con cái. Bị đơn cũng xác nhận hai bên sống chung nhà nhưng đã ly thân gần 1 năm nay. Mặc dù bị đơn cho rằng hai vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, chỉ là tranh cãi Tòng ngày tuy nhiên bị đơn lại có hành vi đánh đập, xúc phạm nguyên đơn, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và tinh thần nguyên đơn. Mặt khác, bị đơn xác nhận cả hai sống chung nhà nhưng đã ly thân, bị đơn lại không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi nguyên đơn xác định không còn tình cảm gì đối với bị đơn. Những mâu thuẫn này làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về nuôi con chung: Nguyên đơn yêu cầu giao con chung là trẻ Võ Quang V1, sinh ngày 20/11/2005 cho ông Võ Quang M trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận với nhau. Riêng con chung Võ Tường V, sinh ngày 04/5/1999 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, bị đơn cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Võ Quang V1, sinh ngày 20/11/2005. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận với nhau. Riêng con chung Võ Tường V, sinh ngày 04/5/1999 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, việc thỏa thuận về nuôi con chung của đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận.

[2.4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Hoài T và ông Võ Quang M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Võ Quang V1, sinh ngày 20/11/2005 cho ông Võ Quang M trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Hoài T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008738 ngày 26/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận
- TAND TP.HCM;
- THADS Q.TB;
- UBND Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Tô Trần Ái Vy